TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2023
"V/v Ly hôn giữa anh A và chị L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Lành và bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Quách Đại Đình A**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số n, khóm X, phường V, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

2. Bị đơn: **Chị Thị L** sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án anh Quách Đại Đình A trình bày như sau:

Anh Quách Đại Đình A (gọi tắt là anh A) và chị Thị L (gọi tắt là chị L) chung sống với nhau vào năm 2012 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới

theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 20/6/2014 theo quy định.

Sau khi kết hôn vợ chồng đến Thành phố Hồ Chí Minh để lập nghiệp, cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, giữa vợ chồng thường xảy ra cự cãi bất hòa. Đến năm 2017 chị L tự ý bỏ đi anh A phải đưa con về quê Sóc Trăng sống đi làm và nuôi con một mình cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay chị L và anh A không liên lạc với nhau, chị L không thăm hỏi đến con, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn. Nay anh A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh A xác định vợ chồng có một con chung tên Quách Trung C, sinh ngày 23/3/2013 hiện đang sống với cha. Khi ly hôn anh A có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh A xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung của vợ chồng: Anh A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn chị Thị L vắng mặt và không có yêu cầu phẩn tố, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của anh Quách Đại Đình A.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Quách Trung C có nguyện vọng được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy chứng minh nhân dân (Bản công chứng); giấy khai sinh của con chung vợ chồng; bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn chị Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh A được ly hôn với chị L; về con chung giao cháu Quách Trung C, sinh ngày 23/3/2013 cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa chị Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Anh A yêu cầu ly hôn với chị L và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Anh A và chị L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh A, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của anh A và chị L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, thường xảy ra cự cãi bất đồng, hôn nhân không có hạnh phúc và đã ly thân với nau từ năm 2017 cho đến nay không còn liên lạc hay quan tâm tới cuộc sống của nhau. Tòa án đã mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng chị L vắng mặt không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh A, cho anh A ly hôn với chị L**.**

Về con chung: Anh A và chị L có một người con chung là cháu Quách Trung C, sinh ngày 23/3/2013. Từ khi anh chị ly thân vào năm 2017 cho đến nay cháu Quách Trung C sống với anh A có cuộc sống sinh hoạt ổn định và hiện tại anh A có việc làm, có thu nhập để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung đồng thời cháu Quách Trung C có nguyện vọng được sống với cha, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Quách Trung C, sinh ngày 23/3/2013 cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh A không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh A xác định không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Anh A xác định không có nợ chung, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh A là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Quách Đại Đình A.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Quách Đại Đình A và chị Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Trung C, sinh ngày 23/3/2013 cho anh Quách Đại Đình A tiếp tục nuôi dưỡng sau khi anh Quách Đại Đình A và chi Thị L ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Quách Đại đình A không yêu cầu chị Thị L phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Quách Đại Đình A có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003878 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Quách Đại Đình A đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;

- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND phường V;
- Lưu, HS, VP.

Đinh Thị Thơm